TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày 21.02.2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Cần

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Văn Lịch

2.Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Cán bộ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh quận T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết là thư ký Tòa án nhân dân quận T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố H *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐ-ST ngày 13 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Hoàng Văn D, sinh ngày 16/3/2002 tại Phú Thọ (Bị cáo phạm tội 16 tuổi 07 tháng 24 ngày); HKTT: Khu 3, xã Gia Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ; Cư trú: Lang thang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; con ông: Hoàng Văn Đô, con bà: Đinh Thị Thơm; Danh bản, chỉ bản số 361 do công an quận T lập ngày 16/11/2018;

Tiền án, tiền sự: Chưa có

Bị cáo bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 09/11/2018, hiện đang bị tạm giam tại trại giam số 1 – Công an Thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa).

*Người đại diện của bị cáo: Ông Hoàng Văn Đô, sinh năm 1980 (bố đẻ của bị cáo)

Trú tại: Khu 3, xã Gia Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ

(Có mặt tại phiên tòa)

*Người bào chữa: Ông Trương Công Đ - Trợ giúp viên pháp lý – Chi nhánh số 5 – Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố H.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12h ngày 9/11/2018, Hoàng Văn D có đến nhà trọ của Vũ Văn T (sinh năm: 1996, trú tại: Thôn 3, xã P, huyện Đ, tỉnh P) tại ngõ 55 Phan Long, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hchơi. Tại đây D có gặp Bùi Khương T(SN: 1988, HKTT: Thôn 3, xã P, huyện Đ, tỉnh P). Tại đây, D nhìn thấy Tđưa cho T 400.000 đồng, T góp thêm 300.000 đồng và T đưa cho D tổng cộng 700.000 đồng. T có gọi điện cho 01 phụ nữ hỏi mua ma túy sau đó nói với D đi đến khu vực cầu T11, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hđể mua ma túy. Tđưa cho D mượn 01 xe máy BKS: 19D1-114.63 để Tđi mua ma túy như lời T dặn. Khi đến khu vực cầu T11, phường N, quận C, D đứng chờ khoảng 3 phút thì có 01 người phụ nữ không quen biết đến hỏi D có phải người của T không, D trả lời là đúng thì người phụ nữ đó đưa cho D 01 túi nilong chứa tinh thể màu trắng. D biết đó là ma túy nên đưa cho cho chị phụ nữ đó số tiền 700.000 đồng và cất số ma túy vào túi áo khoác ngoài bên trái mình đang mặc và điều khiển xe máy về. Khoảng 15h cùng ngày, Khi đi đến khu vực ngã tư Võ Chí Công – Xuân La thì D bị Công an phường Xuân L, quận T, Thành phố H kiểm tra hành chính. D đã tự tay giao nộp ma túy và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 túi ni lông màu trắng bên trong chứa tinh thể màu trắng

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, BKS : 19D1-114.63 đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số 8671/KLGĐ – PC09 ngày 16/11/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố H kết luận: 01 túi ni lông màu trắng bên trong chứa tinh thể màu trắng thu giữ của Hoàng Văn D là ma túy loại Methamphetamine khối lượng 0,795 gam.

Tại cơ quan điều tra, Hoàng Văn D khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của bị can phù hợp với lời khai nhân chứng, tang vật thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án.

Đối với hành vi của Bùi Khương D, ban đầu Hoàng Văn D khai nhận(bút lục 37- 48): T, T và D cùng thống nhất mua ma túy về sử dụng, T góp 400.000 đồng, T góp 300.000 đồng để mua ma túy, T là người liên lạc với người bán ma túy, D là người mua ma túy, mục đích để cả ba cùng sử dụng chung tại nhà T. Tđưa D xe máy để đi mua ma túy. Sau đó, tại biên bản đối chất ngày 16/11/2018 (bút lục 96-97), biên bản hỏi cung ngày 17/11/2018, ngày 21/12/2018 (bút lục 53- 58) D khai nhận : không nhớ rõ T hay Tlà người rủ mua ma túy về sử dụng chung. T là người đưa 700.000 đồng cho D để đi mua ma túy, D có nhìn thấy T đưa cho T 400.000 đồng, ngay sau đó T đưa cho D 700.000 đồng bảo D đi đến Cầu Giấy mua ma túy thì D

nên nghĩ là tiền T góp tiền mua ma túy. D không nghe thấy T nói đưa cho T 400.000 đồng để đi mua ma túy.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Khương T khai nhận: T không đưa tiền cho D để mua ma túy về sử dụng chung, không bàn bạc về việc mua ma túy về sử dụng chung với nhau. Tcó đưa cho T 400.000 để trả nợ T trước đó, không liên quan đến việc góp tiền mua ma túy như lời khai của D. T cho T mượn xe máy để đi lại và không biết việc T cho D mượn xe của mình để đi mua ma túy về sử dụng.

Đối với đối tượng Vũ Văn T, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm đối tượng nhưng chưa triệp tập, lấy lời khai được.

Do chưa lấy được lời khai của Vũ Văn T, căn cứ lời khai của Bùi Khương D, Hoàng Văn D và các tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án chưa đủ cơ sở xác định Bùi Khương Tcó đồng phạm với Hoàng Văn D về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, BKS : 19D1-114.63 thu giữ của Hoàng Văn D, Cơ quan điều tra đã xác minh chủ sở hữu là Phùng Thị Sáng (SN: 1965, HKTT: xã Kim Thượng, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ). Bà Sáng trình bày : Năm 2015, bà Sáng có đứng tên đăng kí xe cho Bùi Khương Duy, tiền mua xe máy là của Duy. Bùi Khương Ttrình bày : chiếc xe máy trên Tdùng làm phương tiện đi lại, đến tháng 11/2018 cho T mượn sau đó T cho D mượn đi mua ma túy thì Tkhông biết.

Ngày 28/12/2018, Cơ quan CSĐT – Công an quận T ra quyết định tách rút tài liệu liên quan đến đối tượng Bùi Khương D, Vũ Văn T và chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, BKS: 19D1-114.63 để tiếp tục xác minh, khi có lời khai của T sẽ xem xét xử lý sau.

Bản cáo trạng số 10/CT - VKS ngày 18/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận T quyết định truy tố bị cáo Hoàng Văn D về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy " theo điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa bị cáo đó khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Viện kiểm sát nhân dân quận T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, sau khi đánh giá các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo, xem xét về nhân thân:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; Điều 38; Điều 91, Điều 101; Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù.

Vật chứng vụ án:

Áp dụng điều 47 của bộ luật hình sự; Điều 106 của bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ;

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa phát biểu: Bị cáo pham tội ở độ tuổi vị thành niên, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế, thành khẩn khai báo.

Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ tuyên phạt bị cáo D với mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1.Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra – Công an quận T; Điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân quận T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Do cơ quan điều tra chưa triệp tập, lấy lời khai của Vũ Văn T nên chưa làm rõ được hành vi phạm tội của Vũ Văn T, Bùi Khương D, Cơ quan điều tra đã tách rút tài liệu để xử lý trong vụ án khác là phù hợp với quy định tại Điều 170 Bộ luật tố tụng hình sự.

2.Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khách quan khác, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 09/11/2018, tại khu vực ngã tư Võ Chí Công, phường X, quận T, Thành phố H, Hoàng Văn D đã có hành vi cất giấu ma túy là Methamphetamine, cân nặng 0,795 gam, chưa kịp sử dụng thì bị bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận T truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về ma tuý, gây mất trật tự trị an xã hội, bị cáo biết rõ ma tuý là chất gây nghiện, làm tổn hại đến sức khoẻ và là một trong những nguyên nhân gây nên căn bệnh AIDS, là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác. Đảng và Nhà nước đã nghiêm cấm mọi hành vi mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma tuý. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.Tuy nhiên HĐXX cũng xem xét bị cáo phạm tội trong độ tuổi vị thành niên, nên HĐXX áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo không quá ba phần tư mức hình phạt tù của điều luật theo quy định tại Điều 101 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: Không

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai nhận tội; Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Về vật chứng vụ án:

- Số ma túy đã thu giữ là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy;

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; Điều 38; Điều 91, Điều 101; Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Hoàng Văn D 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt quả tang 09.11.2018

Áp dụng điều 47; Áp dụng các điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Tịch thu tiêu hủy 01 một bao niêm phong có chữ ký của Hoàng Văn D và giám định viên;

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/01/2019 giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an quận T với Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST. Bị cáo, người đại diện, người bào chữa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Cần

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng
-VKS ND quận T
- Công an quận T
- Chi cục THA dân sự quận T
- Lưu HS